HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 24/2022/NQ-HĐND	*Thái Nguyên, ngày 08 tháng 12 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Thái Nguyên thời kỳ ổn định ngân sách 2022 - 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 70/2022/QH15 ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2023;

Thực hiện Nghị quyết số 469/NQ-UBTVQH15 ngày 15 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập các phường thuộc thị xã Phổ Yên và thành lập thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 47/2022/TT-BTC ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2023 - 2025;

Xét Tờ trình số 181/TTr-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Thái Nguyên thời kỳ ổn định ngân sách 2022 - 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Thái Nguyên thời kỳ ổn định ngân sách 2022 - 2025 ***(viết tắt là Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND)*****, cụ thể như sau:**

1. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục I tại Điều 4 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND: *(Có Phụ lục I kèm theo)*.

2. Bổ sung mục 2 phần II Phụ lục II tại Điều 6 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND:

"2. Lệ phí trước bạ

a) Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy: Ngân sách thành phố hưởng 100%.

b) Lệ phí trước bạ khác:

- Đối với các phường Hoàng Văn Thụ, Phan Đình Phùng, Quang Trung, Thịnh Đán, Trưng Vương, Gia Sàng, Tân Lập, Đồng Quang, Túc Duyên: Ngân sách thành phố hưởng 90%, ngân sách các phường hưởng 10%.

- Đối với các phường còn lại: Ngân sách thành phố hưởng 60%; ngân sách các phường hưởng 40%.

- Đối với xã Quyết Thắng: Ngân sách thành phố hưởng 80%; ngân sách xã hưởng 20%.

- Đối với các xã còn lại: Ngân sách xã hưởng 100%."

3. Thay thế cụm từ "thị xã Phổ Yên" bằng cụm từ "thành phố Phổ Yên" tại Phụ lục IV Điều 6 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ mười thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2023./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp (Kiểm tra);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khoá XIV;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Kiểm toán nhà nước Khu vực X;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Thái Nguyên, Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Phạm Hoàng Sơn

Phụ lục I

QUY ĐỊNH TỶ LỆ ĐIỀU TIẾT CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG, NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ THỜI KỲ ỔN ĐỊNH NGÂN SÁCH 2022 - 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 24/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

STT	Nội dung thu	Tổng số thu (%)	Tỷ lệ % điều tiết được hưởng		
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện
I	**Các khoản thu về đất và thuế**				
1	Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương, địa phương				
	- Thuế tài nguyên	100		100	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp, giá trị gia tăng, tiêu thụ đặc biệt	100	4	96	
2	Các khoản thu từ đơn vị vãng lai ngoại tỉnh là các doanh nghiệp nhà nước Trung ương, doanh nghiệp nhà nước địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Chi cục Thuế thành phố Thái Nguyên và Chi cục Thuế khu vực quản lý	100	4	96	
3	Thuế giá trị gia tăng của các đơn vị vãng lai ngoại tỉnh thực hiện trên địa bàn các huyện, thành phố do Chi cục Thuế thành phố Thái Nguyên và Chi cục Thuế khu vực quản lý (không bao gồm các đơn vị là các doanh nghiệp nhà nước Trung ương, doanh nghiệp nhà nước địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp ngoài quốc doanh)	100	4		96
4	Thu doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
	- Thuế tài nguyên	100		100	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp, giá trị gia tăng, tiêu thụ đặc biệt	100	4	96	

5	Thu từ khu vực dịch vụ ngoài quốc doanh				
a	Các doanh nghiệp do Cục Thuế tỉnh quản lý thu				
	- Thuế tài nguyên	100		100	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp, giá trị gia tăng, tiêu thụ đặc biệt đối với các doanh nghiệp có trụ sở hoặc hoạt động trên địa bàn huyện	100	4	96	
b	Các doanh nghiệp do Chi cục Thuế thành phố Thái Nguyên và Chi cục Thuế khu vực quản lý thu				
	- Thuế tài nguyên	100			100
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp, giá trị gia tăng, tiêu thụ đặc biệt	100	4		96
6	Thuế bảo vệ môi trường *(trừ thuế bảo vệ môi trường từ hàng hoá nhập khẩu)*	100	4	96	
7	Thuế thu nhập cá nhân				
	- Do Cục Thuế tỉnh quản lý thu	100	4	96	
	- Do Chi cục Thuế thành phố Thái Nguyên và Chi cục Thuế khu vực quản lý thu	100	4		96
8	Thu tiền cho thuê đất *(không bao gồm ghi thu, ghi chi)*				
	- Các đơn vị do Cục Thuế tỉnh quản lý thu	100		100	
	- Các đơn vị do Chi cục Thuế thành phố Thái Nguyên và Chi cục Thuế khu vực quản lý thu	100			100
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	100			100
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	100			100
11	Thu tiền sử dụng đất *(không bao gồm ghi thu, ghi chi)*				
	- Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh *(thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường)*; Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh	100		100	
	- Các khu tái định cư đầu tư bằng nguồn ngân sách tỉnh	100		100	

	- Thu tiền sử dụng đất từ các dự án khu dân cư, khu đô thị được chuyển mục đích từ đất sản xuất, kinh doanh, dịch vụ sang đất ở				
	+ Thành phố Thái Nguyên và thành phố Phổ Yên	100		40	60
	+ Thành phố Sông Công, huyện Phú Bình	100		20	80
	+ Các huyện còn lại	100		10	90
	- Thu tiền sử dụng đất từ các dự án khu dân cư, khu đô thị không sử dụng vốn nhà nước thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư *(sau khi trừ đi các khoản được trừ theo quy định)*				
	+ Thành phố Thái Nguyên và thành phố Phổ Yên	100		40	60
	+ Thành phố Sông Công, huyện Phú Bình	100		20	80
	+ Các huyện còn lại	100		10	90
	- Các khu tái định cư đầu tư bằng nguồn ngân sách cấp huyện	100			100
	- Thu tiền sử dụng đất còn lại trên địa bàn các huyện, thành phố	100		10	90
II	**Các khoản thu phí, lệ phí, thu sự nghiệp và thu khác**				
1	Thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản				
	- Do Cục Thuế tỉnh quản lý thu (*)	100		70	30
	- Do Chi cục Thuế thành phố Thái Nguyên và Chi cục Thuế khu vực quản lý thu	100			100
2	Lệ phí trước bạ	100			100
3	Lệ phí môn bài	100			100
4	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản				
	- Đối với giấy phép do Trung ương cấp	100	70	30	
	- Đối với giấy phép do địa phương cấp	100		100	

5	Tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa				
	- Đối với trường hợp thuộc thẩm quyền thu hồi đất của Ủy ban nhân dân tỉnh	100		100	
	- Đối với trường hợp thuộc thẩm quyền thu hồi đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các dự án thực hiện theo phương thức nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất (*)	100		50	50
6	Thu phạt, tịch thu				
	- Do cơ quan Trung ương xử lý	100	100		
	- Do cơ quan cấp tỉnh xử lý	100		100	
	- Do cơ quan cấp huyện, cấp xã xử lý	100			100
7	Thu tiền chậm nộp				
	- Từ các đơn vị, cá nhân do Cục Thuế tỉnh quản lý thu và các đơn vị thuộc cấp Trung ương quản lý thu nhưng địa phương được hưởng	100		100	
	- Từ các đơn vị, cá nhân do Chi cục Thuế Thành phố Thái Nguyên và Chi cục Thuế khu vực quản lý thu	100			100
8	Thu từ hoạt động Xổ số kiến thiết	100		100	
9	Các khoản phí, lệ phí còn lại, thu sự nghiệp và thu khác *(phần nộp ngân sách nhà nước sau khi đã trừ các khoản chi phí để lại cho đơn vị thu theo quy định)*: Thực hiện tỷ lệ điều tiết theo quy định hiện hành của từng loại thu.				
10	Đối với các khoản huy động đóng góp, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, viện trợ không hoàn lại cho ngân sách cấp nào, ngân sách cấp đó hưởng 100% theo quy định.				
11	Đối với các khoản ghi thu - ghi chi phát sinh tại đơn vị cấp nào thì ghi thu vào ngân sách cấp đó hưởng 100%.				

Ghi chú: (*) cấp bổ sung theo số thực tế phát sinh nộp vào ngân sách.